

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBIT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 02/12/2018

STT	NOMBA Y	Đường bay RP3	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD1+ClO	7:25	15+7	0+0		13+9	0+0	(theo RP3)
2		RP2+ClO+TD2	7:25	13+8+1	0+0+0		4+14+4	0+0+0	
3		PVD6+RP2	9:25	8+13	0+0		2+20	0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/12/2018	TO: TD1 - RP3 - CLO	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: LHai - VTHU - thông	ETA: 09:10
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN DUNG	TD1	13	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
2	KOROTKOV V.A	TD1	06	1	7		96	KHOAN	Russian
3	HOANG VAN MINH	TD1	14	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
4	DUONG XUAN THANG	TD1	15	1	3		76	KHOAN	Vietnamese
5	ĐẶNG VIỆT KHÔI	TD1					71	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN THIEU	TD1	16	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM ĐỨC TUÂN	TD1	12	1	7		71	KHOAN	Vietnamese
8	ĐOÀN VĂN LEO	TD1	10	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN ĐĂNG KHOA	TD1	18	1	4		66	KHOAN	Vietnamese
10	BUI MẠNH PHÚC	TD1	17	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN TRUONG DUONG	TD1	900	1	4		86	KHOAN	Vietnamese
12	BUI VAN NINH	TD1	11	1	3		80	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN ĐẠI DƯƠNG	TD1	07	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN XUAN ĐÔNG	TD1	08	1	8		63	KHOAN	Vietnamese
15	HOANG VAN THUONG	TD1	09	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
16	DATSKO PAVEL	CLO	18	1	9		104	KHOAN	Russian
17	NGUYEN VAN TRUNG	CLO					84	KHOAN	Vietnamese
18	LA VIỆT HUNG	CLO	23	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN TUONG LONG	CLO	19	1	8		81	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN NGOC LY	CLO	21	1	3		78	KHOAN	Vietnamese
21	VU MINH TU	CLO	22	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYEN TIEN SINH	CLO	20	1	3		61	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	15	14	65	1.106	0	13		
2	RP3	0	0	0	0	0	1		
3	CLO	7	6	31	549	0	8		
TOTAL		22	20	96	1.655	0	22		
WEIGHT KG				96	1.655	0			

GRAND TOAL: 1.751 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/12/2018	TO: RP2 - CLO - TD2	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - TÙNG - Huy	ETA: 09:15
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUONG ANH VU	RP2	21-22	2	10		65	CODIEN	Vietnamese
2	VU ANH TUAN	RP2	20	1	7		68	CODIEN	Vietnamese
3	VO TA HUNG	RP2	19	1	15	20	68	XAYLAP	Vietnamese
4	LUU QUY DUNG	RP2	03-04	2	10		70	XAYLAP	Vietnamese
5	TRAN VAN HIEN	RP2	16	1	18		82	XAYLAP	Vietnamese
6	VO HOANG LAM	RP2	17-18	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
7	BUI THE HAI	RP2	07	1	12		88	XAYLAP	Vietnamese
8	PHAM THE TRUONG	RP2	10	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
9	TA VAN CUONG	RP2	08-09	2	17		74	XAYLAP	Vietnamese
10	DAO NGOC HAI	RP2	12-13	2	15		68	XAYLAP	Vietnamese
11	PHAM NGOC THANG	RP2	05-06	2	20		68	XAYLAP	Vietnamese
12	HOANG VAN THUYET	RP2	02	1	10		68	XAYLAP	Vietnamese
13	DOAN QUANG TRUNG	RP2	14-15	2	20		62	XAYLAP	Vietnamese
14	TRAN DINH HAI	CLO	51	1	4		78	KHOAN	Vietnamese
15	TRAN KIM HUNG	CLO	49	1	10		74	KHOAN	Vietnamese
16	DO HUY BINH	CLO	52	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN TRUNG KIEN	CLO	47	1	9		75	KHOAN	Vietnamese
18	LE QUANG NGHIEP	CLO	48	1	10		68	NHA THAU	Vietnamese
19	LE THE SON	CLO	50	1	5		68	NHA THAU	Vietnamese
20	NGUYEN HOANG	CLO	46	1	10		65	DVL	Vietnamese
21	VU XUAN CANH	CLO	53	1	10		70	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	13	20	184	911	20	3		
2	CLO	8	8	63	578	0	15		
3	TD2	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		21	28	247	1.489	20	22		
WEIGHT KG				247	1.489	20			

GRAND TOAL: 1.756 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/12/2018	TO: PVD6 - RP2	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:30
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: LHai - VTHU - thông	ETA: 11:10
Xanh-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN NGỌC NINH	PVD6	39	1	11		72	DVL	Vietnamese
2	NGUYỄN TRỌNG HOANG	PVD6	42	1	6		60	DVL	Vietnamese
3	PHẠM XUÂN HÙNG	PVD6	40	1	10		65	DVL	Vietnamese
4	ĐÀO VĂN YẾN	PVD6	41	1	11	4	64	DVL	Vietnamese
5	BUI VĂN THÍCH	PVD6	38	1	6		80	DVL	Vietnamese
6	BUI ĐÌNH THỌ	RP2	86	1	8		70	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN XUÂN TRƯỜNG	RP2	89-90	2	10		75	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ ĐÌNH HIẾU	RP2	83	1	9		65	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN ĐÀU	RP2	78-79	2	16		69	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN XUÂN LỘC	RP2	84-85	2	20		57	XAYLAP	Vietnamese
11	HA VĂN NHIỆM	RP2	75	1	17		67	XAYLAP	Vietnamese
12	LAI HUY CUÔNG	RP2	76	1	16	10	55	XAYLAP	Vietnamese
13	PHẠM QUANG CHUNG	RP2	73	1	19		50	XAYLAP	Vietnamese
14	LÊ ĐÌNH NINH	RP2	82	1	16		70	XAYLAP	Vietnamese
15	LÊ HỒNG DUY	RP2	80-81	2	18		71	XAYLAP	Vietnamese
16	LAM QUANG QUY	RP2	74	1	16		72	XAYLAP	Vietnamese
17	BUI THANH LONG	RP2	88	1	7		90	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN NGỌC CHINH	RP2	87	1	20		74	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD6	5	5	44	341	4	2		
2	RP2	13	17	192	885	10	20		
TOTAL		18	22	236	1.226	14	22		
WEIGHT KG				236	1.226	14			

GRAND TOAL: 1.476 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 03/12/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		T.UNG	7:25	18	0		18	0	
2		PPD+AMD	7:25	11+11	0+0		8+14	0+0	
3		TD2	7:25	20	0		22	0	
4		CTK3+BK5+BK16	7:25	14+2+6	0+0+0		10+5+7	0+0+0	
5		BK5+P10	9:25	11+11	0+0		6+16	0+0	
6		P7+P4	9:25	22+0	0+0		13+9	0+0	
7		BK9+CTK3	9:25	0+20	0+0		0+22	0+0	CHUYỂN 2 PAX TỪ BK9-CTK3
8		P9+PPD	11:25	5+13	0+0		5+17	0+0	
9		P7+GTCL+BK8	11:25	6+16+0	0+0+0		0+14+8	0+0+0	
10		CL+P5	11:25	11+8	0+0		8+14	0+0	
11		CL	13:25	20	0		22	0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/12/2018	TO: BK THIEN UNG	AIRCRAFT: 619	ETD: 07:27
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: HHai - ĐTrung	ETA: 10:35
XANH-1 <i>A</i>			

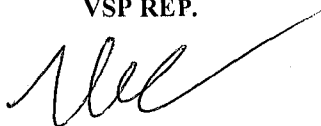
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VĂN MINH TÂN	BK THIE	41	1	6		61	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TRUNG KIẾN	BK THIE	36	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ TRẦN SƠN	BK THIE	42	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ NGỌC TOÀN	BK THIE	37-38	2	5		74	KH-THAC	Vietnamese
5	VÔ CHIẾN THẮNG	BK THIE	50-52	3	14		65	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN XUÂN THUY	BK THIE	44	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ QUÝ TOÀN	BK THIE	45	1	7		57	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	BK THIE					57	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỌC HIỆU	BK THIE	35	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN HỮU THANH	BK THIE	39	1	8		64	KH-THAC	Vietnamese
11	NG. THANH BÁC	BK THIE	47	1	9		61	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN QUỐC ANH	BK THIE	48	1	3		68	CODIEN	Vietnamese
13	TRẦN VĂN HOÀ	BK THIE				15	65	PSV	Vietnamese
14	HỒ VĂN TÍNH	BK THIE	34	1	4		55	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN TIẾN CHUÔNG	BK THIE	40	1	3		62	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	BK THIE	33	1	3		62	PSV	Vietnamese
17	LƯƠNG CÔNG ĐẠT	BK THIE	43	1	5		70	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN QUANG PHƯỢNG	BK THIE	46	1	5		63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

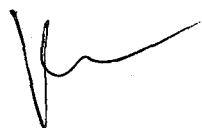
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK THIEN UNG	18	19	93	1.146	15	18		
	TOTAL	18	19	93	1.146	15	18		
	WEIGHT KG			93	1.146	15			

GRAND TOAL: 1.254 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/12/2018	TO: PPD - AMD	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: TTrung - LBinh - PTUÂN	ETA: 09:10
cam-1			

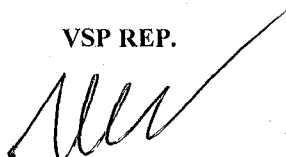
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN VĂN THẮNG	PPD	25	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	PPD	17	1	5	30	76	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN QUỐC VIỆT	PPD	16	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN NGỌC DƯ	PPD	23	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH BÌNH	PPD	22	1	8		85	KH-THAC	Vietnamese
6	VÔ MẠU MÊN	PPD	18	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẶNG ĐÌNH TIỀN	PPD	19	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ NGỌC HAI	PPD	24	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN THANH QUANG	PPD	20	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TUÂN ANH	PPD	18	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN MINH HAI	PPD	21	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN LÊ HÒA	AMD	96	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN NAM TRUNG	AMD	73	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN HOÀNG	AMD	78	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN HỒNG LINH (PVDT)	AMD	79	1	5	80	75	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN NGỌC ĐỨC	AMD	72	1	6		86	KH-THAC	Vietnamese
17	VU XUÂN ĐỨC	AMD	69	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN ANH KHOA	AMD	70	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN ANH DŨNG	AMD	74	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
20	TRƯỜNG THẾ KHAI	AMD	77	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN VĂN LỢI	AMD	75-76	2	10		60	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN TRÁI	AMD	71	1	12		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

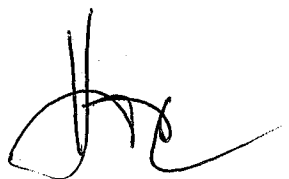
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	11	11	61	813	30	8		
2	AMD	11	12	67	749	80	14		
TOTAL		22	23	128	1.562	110	22		
WEIGHT KG				128	1.562	110			

GRAND TOTAL: 1.800 KGS

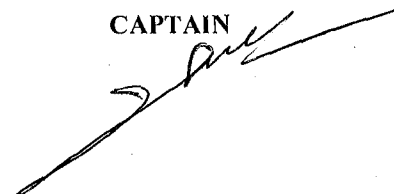
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/12/2018	TO: TD2	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: ĐỨC - VTHU - thông	ETA: 09:20
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	POROMARENKO A	TD2	38	1	3		105	KHOAN	Russian
2	GUSHEYNOV M.A	TD2	35	1	8		82	KHOAN	Russian
3	CHU VAN HUNG	TD2	37	1	4	68	63	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN VAN HAI	TD2	49	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
5	BUI HUU HONG	TD2					90	KHOAN	Vietnamese
6	VUONG DINH LIEN	TD2	34	1	2		67	KHOAN	Vietnamese
7	LE VIET CHIEN	TD2	57-58	2	13		70	KHOAN	Vietnamese
8	NGO VAN BAC	TD2	36	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
9	NGO VAN HUY	TD2	43	1	2		72	KHOAN	Vietnamese
10	CAO VAN LOI	TD2	56	1	3		68	KHOAN	Vietnamese
11	PHAM THANH GIANG	TD2	46	1	3		73	KHOAN	Vietnamese
12	BUI THO DUONG	TD2	41-42	2	13		60	KHOAN	Vietnamese
13	PHAN MANH CUONG	TD2	39	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN VIET TRUNG	TD2	45	1	13		86	KHOAN	Vietnamese
15	DO THANH HAI	TD2	44	1	5		65	DVL	Vietnamese
16	NGUYEN QUANG HOAN	TD2	40	1	8		75	DVL	Vietnamese
17	ĐANG QUOC KHANH	TD2	51	1	5		60	GETRACO	Vietnamese
18	TRAN ĐỨC THE	TD2	50	1	4		65	GETRACO	Vietnamese
19	CAO DUY LUNG	TD2	48	1	5		55	GETRACO	Vietnamese
20	PHAN VAN HAU	TD2	47	1	4		70	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	20	21	112	1.435	68	22		
TOTAL		20	21	112	1.435	68	22		
WEIGHT KG				112	1.435	68			

GRAND TOAL: 1.615 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/12/2018	TO: CTK3 - BK5 - BK16	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: TUYỀN - Hồi - DTùng	ETA: 09:15
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HUY TÂM	CTK3	32	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM THANH HAI	CTK3	36	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN NGOC HIEU	CTK3					67	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN HOANG HA	CTK3	14	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN ANH ĐỨC	CTK3	29	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ XUÂN ĐẠT	CTK3	28	1	8		85	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN MANH ĐẠO	CTK3	33-34	2	10		71	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN TUÂN MINH	CTK3	26-27	2	6		71	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ XUÂN TRỰC	CTK3	31	1	4		59	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM TIẾN PHƯỢNG	CTK3	35	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN THANH HAI	CTK3	30	1	3		55	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM BA HOANG	CTK3	38-39	2	6		69	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN THANH TÙNG	CTK3	37	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN SANH TRƯỜNG	BK5	34,48	2	18	50	62	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN MINH TOÀN	BK5	49	1	10		80	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN NGOC HA	BK16	36	1	13	50	78	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VAN LIEU	BK16	33	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN THANH TUÂN	BK16	37	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM VĂN HÀ	BK16	34	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
20	VƯƠNG ĐÌNH ĐÔNG	BK16	32	1	5		85	PSV	Vietnamese
21	ĐỖ XUÂN HẠNH	BK16	35	1	3		76	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	13	15	69	881	0	10		
2	BK5	2	3	28	142	50	5		
3	BK16	6	6	34	437	50	7		
TOTAL		21	24	131	1.460	100	22		
WEIGHT KG				131	1.460	100			

GRAND TOAL: 1.691 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/12/2018	TO: BK5 - P10	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:30
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: TTrung - LBinh - PTUÂN	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN HÙNG	BK5	38	1	13		74	XAYLAP	Vietnamese
2	ĐỖ XUÂN ĐĂNG	BK5	50	1	12	40	81	XAYLAP	Vietnamese
3	ĐÀO QUỐC HÙNG	BK5	51	1	18		61	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN QUANG THỎA	BK5	47	1	13		71	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN NGỌC GIÁP	BK5	52	1	9		58	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN PHÚC HIẾN	BK5	42-43	2	15		82	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN TIẾN HUY	BK5	46	1	12		80	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN MẠNH TUÂN	BK5	44	1	5		76	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN HỮU HÙNG	BK5	45	1	8		85	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH HIẾN	BK5	39-40	2	18		82	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN HIẾN	BK5	41	1	10		58	XAYLAP	Vietnamese
12	VŨ TRỌNG HÙNG	P10	88	1	8		78	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ KHÁC PHƯƠNG	P10	83-84	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN XUÂN NINH	P10	89	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
15	BUI XUÂN NGỌC	P10	81-82	2	14		65	XAYLAP	Vietnamese
16	PHẠM NGỌC TUÂN	P10	85-86	2	14		70	XAYLAP	Vietnamese
17	TRẦN VĂN DŨ	P10	95-96	2	13		58	XAYLAP	Vietnamese
18	ĐẶNG DUY DŨNG	P10	93-94	2	10		68	XAYLAP	Vietnamese
19	TRẦN QUANG QUYNH	P10	92	1	12		71	XAYLAP	Vietnamese
20	PHẠM VĂN KHUYNH	P10	90	1	15		71	XAYLAP	Vietnamese
21	TRẦN QUỐC VIỆT	P10	87	1	11		105	XAYLAP	Vietnamese
22	NGÔ ĐỨC THUẬN	P10	91	1	18	7	67	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK5	11	13	133	808	40	6		
2	P10	11	16	140	788	7	16		
TOTAL		22	29	273	1.596	47	22		
WEIGHT KG				273	1.596	47			

GRAND TOAL: 1.916 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/12/2018	TO: P7 - P4	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:40
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: ĐỨC - VTHU - thông	ETA: 11:20
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	GONCHAROV SERGEY	P7	94	1	14		98	KHOAN	Russian
2	QUACH VAN TOI	P7	82	1	3	17	79	KHOAN	Vietnamese
3	VU NGOC THANH	P7	84	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN THAI DUONG	P7	5000	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN MANH TINH	P7	90-91	2	13		70	KHOAN	Vietnamese
6	ĐAO DANH THANH	P7	87	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
7	ĐÀU CAO KHANG	P7	86	1	10		53	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN DUY LINH	P7	97	1	9		90	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN KHANH TRINH-PVD	P7	85	1	8		73	KHOAN	Vietnamese
10	PHAN VAN THANH	P7	99	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
11	HUYNH TRUNG NGHIA	P7	93	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
12	LÊ VINH THUẬT	P7	92	1	6		78	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN VĂN MẠNH	P7	88	1	13		60	KHOAN	Vietnamese
14	NGÔ DUY NGỌC	P7	96	1	13		60	KHOAN	Vietnamese
15	MAI TUAN KIET	P7	32	1	10		73	KHOAN	Vietnamese
16	QUACH THE ANH	P7	27	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN TUAN KHAI	P7	28-29	2	10		68	KH-THAC	Vietnamese
18	HỒ ANH QUỐC	P7	30	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐOÀN TRỌNG TUƠNG	P7	31	1	11		89	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ BA HÒA	P7	95	1	17		85	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN QUY TÀI	P7	98	1	8		57	KH-THAC	Vietnamese
22	VŨ XUÂN TÂM	P7	89	1	12		68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

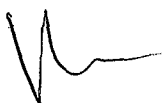
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	22	24	200	1.574	17	13		
2	P4	0	0	0	0	0	9		
TOTAL		22	24	200	1.574	17	22		
WEIGHT KG				200	1.574	17			

GRAND TOAL: 1.791 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/12/2018	TO: BK9 - CTK3	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:35
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: TUYỀN - Hôi - DTùng	ETA: 11:15
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MAKAROV	CTK3	98	1	17		100	KH-THAC	Russian
2	ĐẠO VĂN MINH	CTK3	92	1	7		53	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ ĐỨC HIỆP	CTK3	44	1	5	20	75	KH-THAC	Vietnamese
4	NGÔ ĐÌNH THAM	CTK3	45	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN ĐỨC BÀU	CTK3	85	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH HAI	CTK3	98,2000	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI THANH HOẠT	CTK3	49	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM MINH DŨNG	CTK3	50-51	2	15		80	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TRỌNG MẠN	CTK3	43	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN MẠNH KHOÁT	CTK3	41	1	17		72	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM HỒNG SƠN	CTK3	54	1	10		62	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN HOÀNG TÙNG	CTK3	47	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG THIỆU THANH	CTK3	94,46	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN HỒNG MINH	CTK3	96	1	10		92	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM VĂN ĐIỂM	CTK3	93	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐẠO ĐỨC THĂNG	CTK3	52	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN TRUNG KIẾN	CTK3	48	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN HỮU LONG	CTK3	95	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
19	TÀ HOÀI TRĂNG	CTK3	42	1	7		75	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK9	0	0	0	0	30	0 + 2		CHUYỂN 2 PAX BK9 SANG CTK3
2	CTK3	19	22	174	1.357	20	22		
TOTAL		19	22	174	1.357	50	22		
WEIGHT KG				174	1.357	50			

GRAND TOAL: 1.581 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/12/2018	TO: P9 - PPD	AIRCRAFT: 416	ETD: 11:40
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: LHai - VTHU - thông	ETA: 13:20
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN THỨC LỢI	P9	54	1	5		65	D-HANH	Vietnamese
2	HOÀ NGỌC HÙNG	P9	56	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN DŨNG	P9	55	1	4	15	65	NIPI	Vietnamese
4	MISHIN	P9	53	1	6		110	NIPI	Russian
5	ĐỖ VĂN MẠNH	P9	57	1	8		73	PVC-PT	Vietnamese
6	TRẦN VĂN MẠNH	PPD	97	1	3		52	KH-THAC	Vietnamese
7	TÔ HIỀN THÀNH	PPD	999	1	3		53	KH-THAC	Vietnamese
8	TRƯƠNG TUẤN HÙNG	PPD	800	1	2		67	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ VĂN BA	PPD	5000	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN NHAN	PPD	94	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN PHONG	PPD	998	1	2		67	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN XUÂN HAI	PPD	996	1	2		80	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN THẾ DŨ	PPD	98	1	12	75	65	CODIEN	Vietnamese
14	LUƠNG ĐỨC GIANG	PPD	097	1	12		75	CODIEN	Vietnamese
15	LƯU QUANG ĐẠT	PPD	997	1	5		68	CODIEN	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN NAM	PPD	095-096	2	16		84	CODIEN	Vietnamese
17	DƯƠNG TRƯƠNG LAM	PPD	29	1	5		70	KHI	Vietnamese
18	ĐOÀN DUY HÙNG	PPD	99	1	5		85	KHI	Vietnamese
19	KHAERDINOV	PPD	96	1	7		73	KHOAN	Russian
20	TELESHENKO	PPD	99	1	13		102	KHOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	5	5	26	393	15	5		
2	PPD	15	16	98	1.081	75	17		
TOTAL		20	21	124	1.474	90	22		
WEIGHT KG				124	1.474	90			

GRAND TOAL: 1.688 KGS

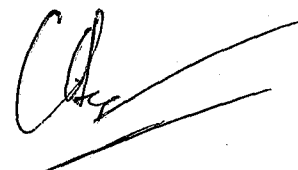
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/12/2018	TO: P7 - GTC1 - BK8	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:30
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: Khang - MMinh - NNam	ETA: 13:10
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐAM VĂN QUANG	P7	33-34	2	10		63	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ MINH HOANG	P7	38-39	2	12	27	82	NIPI	Vietnamese
3	NGUYỄN HỮU CHINH	P7	40	1	10		57	NIPI	Vietnamese
4	TẠ KIM VU	P7	41	1	9		60	NIPI	Vietnamese
5	PHẠM HUY ĐÌNH	P7	35-36	2	13		58	T-TIN	Vietnamese
6	PHAN HỒNG SƠN	P7	37	1	8	38	63	T-TIN	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN QUYẾT	GTC1	28	1	3	30	64	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN NAM THAI	GTC1	87	1	4		57	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ QUÝ HOANG	GTC1	27	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN HỮU TRUNG	GTC1	24	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẶNG TRẦN KHANH	GTC1	22	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM ĐÌNH TUÂN	GTC1	99	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
13	PHI DUY HOÀN	GTC1	88	1	9		72	CODIEN	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐẠI NGHĨA	GTC1	89	1	10		57	CODIEN	Vietnamese
15	PHẠM HUYNH CUÔNG	GTC1	01	1	12		69	CODIEN	Vietnamese
16	NGUYỄN BA SƠN	GTC1	23	1	15		68	XAYLAP	Vietnamese
17	ĐOÀN VĂN THANH	GTC1	16-17	2	20		60	XAYLAP	Vietnamese
18	ĐÀO NGUYỄN DU MẠC	GTC1	25	1	10	20	62	XAYLAP	Vietnamese
19	VŨ TẠ HOÀN	GTC1	19-21	3	20		73	XAYLAP	Vietnamese
20	LÝ HỮU THĂNG	GTC1	14-15	2	20		72	XAYLAP	Vietnamese
21	LƯU VĂN HAI	GTC1	18	1	18		56	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYỄN HỮU NHAN	GTC1	700	1	7		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	6	9	62	383	65	0		
2	GTC1	16	20	170	1.053	50	14		
3	BK8	0	0	0	0	12	8		
TOTAL		22	29	232	1.436	127	22		
WEIGHT KG				232	1.436	127			

GRAND TOAL: 1.795 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/12/2018	TO: CLI - P5	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:35
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Hồi - TRƯỜNG - DTùng	ETA: 13:15
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KHOROSHENKOV	CLI	56	1	8		80	KH-THAC	Russian
2	NGUYEN CONG LAM	CLI	54	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
3	MAI NGOC THIET	CLI	55	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN ANH VIET	CLI					80	KH-THAC	Vietnamese
5	VU MINH TIEN	CLI				80	70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN NGOC SON	CLI	57	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐINH VAN HOANG	CLI	53	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN NGOC NGHI	CLI	51	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG QUOC VIET	CLI	59	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN VU	CLI	52	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN XUAN DU	CLI	58	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG MY TRUONG	P5	21	1	11		64	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN VAN HAI	P5	17	1	4		62	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN XUAN LOC	P5	16	1	16		60	XAYLAP	Vietnamese
15	PHAM DUY DEN	P5	15	1	6		60	XAYLAP	Vietnamese
16	VU VAN LINH	P5	18	1	14	50	72	XAYLAP	Vietnamese
17	LE VAN DUONG	P5	19	1	10		63	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN HOAI BAO	P5	22	1	18		70	XAYLAP	Vietnamese
19	ĐAO VAN THANG	P5	20	1	4		55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLI	11	9	52	752	80	8		
2	P5	8	8	83	506	50	14		
TOTAL		19	17	135	1.258	130	22		
WEIGHT KG				135	1.258	130			

GRAND TOAL: 1.523 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN




FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/12/2018	TO: CLI	AIRCRAFT: 406	ETD: 14:00
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: Khang - MMinh - NNam	ETA: 14:30
CAM-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HỮU LÂM	CLI	66	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG VAN NHAN	CLI	69	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐO VAN ĐOAN	CLI	79	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
4	MAI PHUC LINH	CLI	68	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN NAM KHANH	CLI	67	1	7		85	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM TRỌNG TUÂN	CLI	82	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VIỆT HÒA	CLI	77	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG TRỌNG TRÚC	CLI	72	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	CLI	73	1	3		78	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG VAN TUYEN	CLI	78	1	11		74	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM VĂN KHANH	CLI	71	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN THAM	CLI	75	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN BÌNH THUẬN	CLI	74	1	7		66	ANTOAN	Vietnamese
14	PHẠM THANH NHÀ	CLI	600	1	5		83	PSV	Vietnamese
15	BUI VĂN QUAN	CLI	76	1	5		62	PSV	Vietnamese
16	CAO VIỆT BAO	CLI	65	1	5		52	PSV	Vietnamese
17	VU HUU TRUONG	CLI	70	1	4		66	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN MINH B	CLI	81	1	8	64	72	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI ĐÌNH THỊNH	CLI	80	1	10	70	68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLI	19	19	106	1.349	134	22		
	TOTAL	19	19	106	1.349	134	22		
	WEIGHT KG			106	1.349	134			

GRAND TOAL: 1.589 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



KẾ HOẠCH BAY NGÀY 04/12/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PVD6+TD3 ↖ 1	7:25	2+20	0+0		0+22	0+0	Chuyen 1 pax pvd6-td3
2		CLO	7:25	17	0		22	0	
3		TD1	7:25	19	0		22	0	
4		P11+TD2	7:25	14+8	0+0		11+11	0+0	
5		P10+P2	9:25	8+14	0+0		7+15	0+0	
6		PVD2	9:25	22	0		22	0	
7		PVD6+RCDM	9:25	22+0	0+0		21+1	0+0	
8		PVD1+TD5+BK6 ↖ 1	9:25	0+15+0	0+0+0		0+17+5	0+0+0	CHUYỂN 1 PAX TỪ PVD1-TD5
9		P2+P9	11:25	12+10	0+0		9+13	0+0	
10		RP1+RP2+PVD6	11:25	10+0+6	0+0+0		0+10+12	0+0+0	
11		TD2+P10+CLO ↖ 1 ↖ 3	11:25	2+18+0	0+0+0		0+19+3	0+0+0	CHUYỂN 3 PAX TD2-P10 CHUYỂN 1 PAX TD2-CLO
12		P9+P7	11:25	16+2	0+0		18+4	0+0	
13		BK10+P1+PVD2	13:25	11+0+6	0+0+0		9+5+8	0+0+0	
14		BK3+BK4+TD3	13:25	4+4+7	0+0+0		4+6+12	0+0+0	

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1 NGƯỜI P2 VỀ QUA TD3

FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/12/2018	TO: PVD6 - TD3	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - DUONG - THỤ	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN NGỌC LÊ	PVD6	100	1	9		75	KHOAN	Vietnamese
2	DO QUANG MICH	PVD6	99	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐỨC THĂNG	TD3	34	1	9	55	69	YTE	Vietnamese
4	NGUYỄN QUANG	TD3	44	1	4		70	PSV	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN TRUNG	TD3	43	1	3		76	PSV	Vietnamese
6	TRẦN VĂN THỌ	TD3	57	1	8		68	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM VĂN BÁT	TD3	55	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
8	HOÀNG MINH TOÀN	TD3	41	1	4	22	58	KHOAN	Vietnamese
9	TRANG NGỌC HÙNG	TD3	58	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM VIỆT DŨNG	TD3	32	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
11	ĐÀO TIẾN THIẾT	TD3	39	1	7		57	KHOAN	Vietnamese
12	CHU VĂN THĂNG	TD3	59	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
13	ĐẶNG ĐÌNH PHÚC	TD3	30	1	5		90	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ MẠNH THĂNG	TD3					73	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN PHI HÙNG	TD3	56	1	3		82	KHOAN	Vietnamese
16	TÔ THANH HẢI*PK-PVD	TD3	40	1	11		82	KHOAN	Vietnamese
17	HOÀNG PHẠM NGỌC VŨ	TD3	33	1	5		94	KHOAN	Vietnamese
18	LẠI ĐỨC TRINH	TD3	35-36	2	13		79	NHA THAU	Vietnamese
19	NGUYỄN NGỌC SANH	TD3	37	1	9		58	NHA THAU	Vietnamese
20	MAI VĂN DƯƠNG	TD3	31	1	10		80	DVL	Vietnamese
21	VƯƠNG ĐỨC HUY	TD3	38	1	11		100	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD6	2	2	14	140	0	0+1		CHUYỂN 1 PAX TỪ PVD6 SANG TD3
2	TD3	19	19	121	1.408	77	22		
TOTAL		21	21	135	1.548	77	22		
WEIGHT KG				135	1.548	77			

GRAND TOAL: 1.760 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/12/2018	TO: TD1	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: ĐỨC - VTHU - thông	ETA: 09:30
TRANG-1A			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SMAKOV A.A	TD1	25	1	7		78	KHOAN	Russian
2	PHẠM XUAN HIEU	TD1	30	1	6		66	KHOAN	Vietnamese
3	BUI VAN LUAN	TD1	19	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
4	HA THANH TUNG	TD1	20	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
5	TRAN MANH HUNG	TD1	28	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN DINH NAM	TD1	41	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN TRONG HUNG	TD1	21	1	3		78	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN THANH TUAT	TD1	27	1	6		52	KHOAN	Vietnamese
9	TRUONG XUAN TRUNG	TD1	34	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
10	NINH DUC THUAT	TD1	31	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN HUY QUANG	TD1	35	1	7		80	KHOAN	Vietnamese
12	TRAN QUANG LUONG	TD1	39	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
13	TRAN MANH TIET	TD1	29	1	5	35	66	KHOAN	Vietnamese
14	VU QUY VINH	TD1	32	1	10	10	73	KHOAN	Vietnamese
15	DINH HUY HOANG*MC-PVD	TD1	36-38	3	17		52	KHOAN	Vietnamese
16	DINH CHI CONG	TD1	26	1	9		60	KHOAN	Vietnamese
17	DUONG QUOC VIET	TD1	23-24	2	9		85	KHOAN	Vietnamese
18	YANCHENKO	TD1	22	1	11		79	ANTOAN	Russian
19	TRAN ANH VINH	TD1	40	1	6		59	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	19	22	131	1.345	45	22		
TOTAL		19	22	131	1.345	45	22		
WEIGHT KG				131	1.345	45			

GRAND TOAL: 1.521 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/12/2018	TO: CLO	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Hôi - MTuấn - Năm	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN QUANG HIEN	CLO	69	1	7		60	KHOAN	Vietnamese
2	ĐINH XUÂN PHÚ	CLO	57-58	2	10		70	KHOAN	Vietnamese
3	LÊ VĂN PHÚ	CLO	56	1	5		75	YTE	Vietnamese
4	NGUYỄN MẠNH HUNG	CLO	63	1	2		75	KHOAN	Vietnamese
5	PHÙNG BA TUẤT	CLO	62	1	5	65	80	KHOAN	Vietnamese
6	ĐO TRƯỞNG GIANG	CLO	61	1	10		76	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN CÔNG BẢNG	CLO	64	1	6	35	76	KHOAN	Vietnamese
8	VŨ VĂN ĐĂNG	CLO	67	1	7		52	KHOAN	Vietnamese
9	VŨ MẠNH HUNG	CLO	68	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN MINH TUẤN	CLO	73	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
11	QUÁCH VĂN CÚ	CLO	54	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN HỒNG PHƯỚC	CLO	55	1	5		67	ANTOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN THANH	CLO	66	1	10		65	DVL	Vietnamese
14	UDACHIN D.V.	CLO	60	1	10		76	DVL	Russian
15	PHAN THANH TỊNH	CLO	65	1	15		74	DVL	Vietnamese
16	VUÔNG KIẾN QUỐC	CLO	59	1	7		75	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	16	17	112	1.125	100	22		
	TOTAL	16	17	112	1.125	100	22		
	WEIGHT KG			112	1.125	100			

GRAND TOAL: 1.337 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/12/2018	TO: P11 - TD2	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: HUNG - LBinh - Vũ	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TRUNG HAI	P11	66	1	5	15	70	KH-THAC	Vietnamese
2	LE VIET DUNG	P11	67	1	3	30	70	KH-THAC	Vietnamese
3	HUYNH THANH TAM	P11	69	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN HAI VIET	P11	72	1	6		89	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG SY NGOC	P11	61	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN NAM	P11	68	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN CAO CHI	P11	62-63	2	8		59	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN CUONG	P11	77-79	3	12		81	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAM VAN HUNG	P11	65	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN LAM	P11	64	1	8		72	CODIEN	Vietnamese
11	DO VAN THANH	P11	58-59	2	18		77	CODIEN	Vietnamese
12	TO TIEN HUNG	P11	60	1	6		77	CODIEN	Vietnamese
13	NGO VAN THANH	P11	73-74	2	13		73	PSV	Vietnamese
14	LE DUC CUONG	P11	70-71	2	13		52	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN THANH HUNG	TD2	59	1	3	29	51	D-HANH	Vietnamese
16	LE NGOC AN	TD2	60	1	3	100	59	D-HANH	Vietnamese
17	NGUYEN MANH TUNG	TD2	65	1	9		75	YTE	Vietnamese
18	HOANG VAN PHUONG	TD2	61	1	5		62	PSV	Vietnamese
19	TRAN MANH HUNG	TD2	62	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN HUU LUU	TD2	64	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN DUC TUNG	TD2	63	1	4		52	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P11	14	20	114	1.011	45	11		
2	TD2	7	7	33	434	129	11		
TOTAL		21	27	147	1.445	174	22		
WEIGHT KG				147	1.445	174			

GRAND TOAL: 1.766 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/12/2018	TO: P10 - P2	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:30
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - DUONG - THỤ	ETA: 11:10
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HOÀI THANH	P10	76	1	8	60	65	YTE	Vietnamese
2	NGUYỄN HỒ THIÊN TAM	P10	77	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐỨC PHÚC	P10	35	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN VĂN THẮNG	P10	75	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN BẢO LÂM	P10	32	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
6	IVANOV	P10	34	1	4		115	KH-THAC	Russian
7	NGUYỄN ANH KHOA	P10	78	1	9		67	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TẤT THÀNH	P10	33	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN VĂN NAM	P10	83	1	2		64	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI MINH TRI	P2	88-89	2	11	15	82	T-TIN	Vietnamese
11	NGUYỄN QUÝ TÂN	P2	76-77	2	8		75	KH-THAC	Vietnamese
12	AFANASEV	P2	91	1	12		98	KH-THAC	Russian
13	PHẠM QUỐC HIẾN	P2					67	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN ĐĂNG	P2					80	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẠO VĂN ĐỨC	P2	78	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN THẾ ANH	P2	90	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
17	DƯƠNG VĂN THUẬN	P2	84	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TIẾN HÙNG	P2	81-82	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ THANH LONG	P2	85	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
20	VŨ VĂN THỌ	P2	86-87	2	20		75	KH-THAC	Vietnamese
21	TU TUẤN TỰ	P2	83	1	7		87	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN DUY NGỌC	P2	79-80	2	9		72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	9	9	50	639	60	7		
2	P2	13	16	101	978	15	15		
TOTAL		22	25	151	1.617	75	22		
WEIGHT KG				151	1.617	75			

GRAND TOAL: 1.843 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/12/2018	TO: PVD2	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:35
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: Hôi - MTuấn - Năm	ETA: 11:15
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN THUY	PVD2	14	1	7		70	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYEN HUY TU	PVD2	15-16	2	17		74	KHOAN	Vietnamese
3	DONALD LEE GAY	PVD2	01	1	17		150	KHOAN	American
4	LE KHAC KIEN	PVD2	04	1	8		55	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN NGOC QUY	PVD2	19-20	2	10		65	KHOAN	Vietnamese
6	HOANG NHAT MINH	PVD2	13	1	7		67	KHOAN	Vietnamese
7	LE QUANG TRUONG	PVD2	12	1	8		80	KHOAN	Vietnamese
8	BUI KIM DAT	PVD2	07	1	8		72	KHOAN	Vietnamese
9	LE NGOC MANH	PVD2	27	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
10	TRAN DAC KIM	PVD2	05	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN QUANG TRUNG	PVD2	23	1	6	42	65	KHOAN	Vietnamese
12	DO MINH THANH	PVD2	24	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN QUANG THINH	PVD2	18	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN DUC CHI	PVD2	06	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN VAN DUNG	PVD2	02	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
16	LE VAN THANH	PVD2	03	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
17	TRAN VAN DUC	PVD2	08-09	2	13		64	KHOAN	Vietnamese
18	PHAM VAN HUNG	PVD2	22	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
19	HOANG XUAN CANH	PVD2	31	1	10		68	KHOAN	Vietnamese
20	PHAM QUOC THAI	PVD2	10-11	2	14		65	KHOAN	Vietnamese
21	CHRIS LA GRANGE	PVD2	17	1	17		100	KHOAN	S.African
22	NGUYEN QUYNH HUY	PVD2	28-29	2	10		65	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	22	27	201	1.589	42	22		
TOTAL		22	27	201	1.589	42	22		
WEIGHT KG				201	1.589	42			

GRAND TOAL: 1.832 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/12/2018	TO: PVD6 - RCDM	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:50
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: ĐỨC - VTHU - thông	ETA: 11:30
HONG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRINH HUU TRUNG	PVD6	15-16	2	9		77	KHOAN	Vietnamese
2	TRIEU MINH NHUT	PVD6	20	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
3	DAVID WAYNE CLENDENING	PVD6	02-03	2	12		115	KHOAN	American
4	NGUYEN MINH QUANG	PVD6	24	1	6		61	KHOAN	Vietnamese
5	LUU QUOC DUNG	PVD6	13	1	12		79	KHOAN	Vietnamese
6	TO BUU DAN	PVD6	07	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
7	CHU VAN KHOA	PVD6	14	1	8		66	KHOAN	Vietnamese
8	DINH XUAN THIEM	PVD6	18	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
9	TA THANH BINH	PVD6	06	1	5		81	KHOAN	Vietnamese
10	PHAM THE LAM	PVD6	09	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
11	VU DINH VINH	PVD6	05	1	9		68	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN CONG PHUC	PVD6	11	1	6		62	KHOAN	Vietnamese
13	DUONG VAN PHUONG	PVD6	17	1	5		56	KHOAN	Vietnamese
14	LE ANH TUAN	PVD6	19	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
15	PHAM ANH TINH	PVD6	04	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
16	LE THANH DOAN	PVD6	10	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN VAN TUAN	PVD6	21	1	7		61	KHOAN	Vietnamese
18	LE NGOC HOA	PVD6	08	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
19	PHAM NGOC LONG	PVD6	12	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
20	CAO XUAN VINH	PVD6	25	1	12		85	KHOAN	Vietnamese
21	PHAM HONG MINH	PVD6	26-27	2	14		82	KHOAN	Vietnamese
22	BUI CONG HIEP	PVD6	22-23	2	15		70	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD6	22	26	171	1.586	0	21		
2	RCDM	0	0	0	0	30	1		
TOTAL		22	26	171	1.586	30	22		
WEIGHT KG				171	1.586	30			

GRAND TOAL: 1.787 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/12/2018	TO: PVD1 - TD5 - BK6	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: HUNG - LBinh - Vu	ETA: 11:20
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN XUAN HAI	TD5	20	1	7	60	80	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN NGOC BAO TU	TD5	26	1	11		55	NHA THAU	Vietnamese
3	ONG VAN NAM	TD5	32	1	12		62	NHA THAU	Vietnamese
4	PHAM NG THANH KHOA	TD5	24-25	2	16		73	NHA THAU	Vietnamese
5	NGUYEN QUYET QUYNH	TD5	22-23	2	17		64	NHA THAU	Vietnamese
6	BUI TAN BINH	TD5	18	1	4		78	KHOAN	Vietnamese
7	TRAN VAN THIEU	TD5	21	1	6		80	KHOAN	Vietnamese
8	MAI TRUONG TRUNG	TD5	27	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN VAN DAM	TD5	29	1	5		84	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN DUC THINH	TD5					76	KHOAN	Vietnamese
11	PHAM VAN LUAN	TD5	19	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
12	DAO THANH SON	TD5	28	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN VINH DUY	TD5	30-31	2	7		68	KHOAN	Vietnamese
14	LE LONG	TD5	16-17	2	10		76	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN HOANG LONG	TD5	33	1	8		64	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	0	0	0	0	15	0+4		CHUYEN 1 PAX PVD1 SANG TD5
2	TD5	15	18	119	1.040	60	17		
3	BK6	0	0	0	0	35	5		
TOTAL		15	18	119	1.040	110	22		
WEIGHT KG				119	1.040	110			

GRAND TOAL: 1.269 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/12/2018	TO: P2 - P9	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:30
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: Khang - VThắng - Luy	ETA: 13:10
NAU-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG TRỌNG THAO	P2	96	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM MINH DƯƠNG	P2	65	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM THANH KIM	P2	61-62	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ TUẤN VŨ	P2	99	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
5	HA VĂN TRUNG	P2	700	1	10		82	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN HIỆU	P2	63	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐÌNH NAM	P2	95	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN XUÂN THUY	P2	97	1	8		64	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẠO QUANG THIẾT	P2	98	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN THANH SƠN	P2	64	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN ĐỘ	P2					70	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐỖ THẾ QUANG	P2	93-94	2	10		70	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN HUU PHI	P2					72	KH-THAC	Vietnamese
14	VASIANKIN	P9	65	1	12		90	KH-THAC	Russian
15	CHERNIAVSKY	P9	66	1	7		110	KH-THAC	Russian
16	ĐỖ THANH HÙNG	P9	63-64	2	8	15	75	YTE	Vietnamese
17	LÊ MINH THUY	P9	62	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN XUÂN HOANG	P9	67	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN BÀ KỲ	P9					70	KH-THAC	Vietnamese
20	VÕ VĂN THOẠI	P9	60	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM NGỌC QUY	P9	61	1	2		70	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐẠO THIÊN THUẬT	P9	59	1	2		62	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	13	13	80	921	0	9		
2	P9	9	9	42	687	15	13		
TOTAL		22	22	122	1.608	15	22		
WEIGHT KG				122	1.608	15			

GRAND TOAL: 1.745 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/12/2018	TO: RP1 - RP2 - PVD6	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:35
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Hồi - CHIẾN - Trường	ETA: 13:15
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG ĐÌNH THẮNG	RP1	67-68	2	10		72	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TRƯỜNG BIÊN	RP1	76-77	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN NGỌC PHÁT	RP1	65-66	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
4	NGÔ VĂN QUAN	RP1	69	1	15		52	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN SỸ ANH TÚ	RP1	70	1	12	21	70	XAYLAP	Vietnamese
6	BUI NGỌC HOANG	RP1	74-75	2	15		64	XAYLAP	Vietnamese
7	PHAN XUÂN HUY	RP1	80-81	2	17		57	XAYLAP	Vietnamese
8	ĐOÀN VĂN GIÁP	RP1	72-73	2	16	95	68	XAYLAP	Vietnamese
9	BUI CÔNG ĐỊNH	RP1	78-79	2	17		102	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN VIỆT HÙNG	RP1	64	1	12		60	XAYLAP	Vietnamese
11	ĐINH VĂN THANH	PVD6	28	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN THẾ LONG	PVD6	29-30	2	16	5	70	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN NAM TRUNG	PVD6	31	1	16		75	XAYLAP	Vietnamese
14	ĐẶNG TUẤN ANH	PVD6	32-33	2	12		81	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN LÊ ANH HUY	PVD6	34	1	9	28	58	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	10	17	147	680	116	0		
2	RP2	0	0	0	0	3	10		
3	PVD6	5	7	58	359	33	12		
TOTAL		15	24	205	1.039	152	22		
WEIGHT KG				205	1.039	152			

GRAND TOAL: 1.396 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/12/2018	TO: TD2 - P10 - CLO	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:40
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: HUNG - LBinh - Vu	ETA: 13:20
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN THANH CONG	TD2	74-75	2	17		63	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN DINH THANG	TD2	76	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM DUY QUANG	P10	09	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN DINH HAI	P10	14	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
5	LE NGOC NGUYEN	P10	12	1	3		82	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAM HUYNH VU	P10					69	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM HIEU LIEM	P10	21	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
8	VU BAO TRUNG	P10	13	1	3		82	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAM VAN THUYET	P10	41	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
10	TRUONG VAN MINH	P10	10	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
11	LE CHI HIEU	P10	05-06	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN CUONG	P10	11	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAM NGOC THANH	P10	07	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN NGOC TOAN	P10	15	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN NAM	P10	04	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VAN TOAN	P10	08	1	3		57	KH-THAC	Vietnamese
17	VU DINH CUONG	P10	22	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
18	KIM NHAT THANH	P10	16	1	7		67	CODIEN	Vietnamese
19	NGUYEN HOANG PHUC	P10	17	1	9	50	91	CODIEN	Vietnamese
20	NGUYEN DANG BAO	CLO	77	1	3		60	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	2	3	23	133	0	074		CHUYEN 3 PAX TD2 SANG P10
2	P10	17	17	82	1.227	50	19		CHUYEN 1 PAX TD2 SANG CLO
3	CLO	1	1	3	60	0	3		
TOTAL		20	21	108	1.420	50	22		
WEIGHT KG				108	1.420	50			

GRAND TOAL: 1.578 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/12/2018	TO: P9 - P7	AIRCRAFT: 416	ETD: 11:50
FLIGHT: 12	FROM: VT	CREW: LHải - ĐỨC - thông	ETA: 13:30
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐOÀN VĂN THIÊM	P9	49	1	4	25	60	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ MINH THUY	P9				55	78	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VIỆT THĂNG	P9					70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VIỆT CUƠNG	P9	50	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ NGỌC THANH	P9	91	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN QUỐC DUNG	P9	90	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
7	NGÔ AN CHUNG	P9	46	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
8	HỒ SỸ BÌNH	P9	45	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN VĂN DUNG	P9	47	1	3		53	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN HÀ	P9	42	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM ĐỨC TÀI	P9	48	1	15		61	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN VĂN BĂNG	P9	43	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN VĂN TRI	P9	41	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	P9	94	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
15	VÔ NGỌC THAI SƠN	P9	92	1	14		62	CODIEN	Vietnamese
16	NGUYỄN THƯA THAI	P9	95	1	7		62	CODIEN	Vietnamese
17	PHẠM ĐỨC BÌNH	P9	44	1	12		75	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN HỒNG LINH	P9	93	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN THỰC	P7	26	1	11	40	84	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN BÌNH	P7	35,78	2	10		61	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	18	16	103	1.195	80	18		
2	P7	2	3	21	145	40	4		
TOTAL		20	19	124	1.340	120	22		
WEIGHT KG				124	1.340	120			

GRAND TOAL: 1.584 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/12/2018	TO: BK10 - P1 - PVD2	AIRCRAFT: 406	ETD: 13:30
FLIGHT: 13	FROM: VT	CREW: Khang - VThắng - Luy	ETA: 15:10
XANH-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN CÔNG TÂN	BK10	39	1	8		85	KH-THAC	Vietnamese
2	VU XUÂN THUY	BK10	32	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ TRỌNG LINH	BK10	38	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN CÔNG THANH	BK10	30	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN SÁCH ĐƠN	BK10	31	1	9	60	62	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN NGỌC LƯỢNG	BK10	35-36	2	14		73	KH-THAC	Vietnamese
7	NGÔ HOANG NAM	BK10	37	1	9		74	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ THANH HAI	BK10	34	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH PHONG	BK10	33	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
10	NGÔ TUÂN HUNG	BK10	40	1	3		55	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH SƠN	BK10	44	1	6		70	PSV	Vietnamese
12	GRANDHI RAJU	PVD2	34-35	2	17		68	KHOAN	Indian
13	PHẠM TÙNG VY	PVD2	36	1	13		70	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐỨC LONG	PVD2	30	1	2		58	KHOAN	Vietnamese
15	ĐẶNG MINH SƠN	PVD2	31	1	12	17	74	KHOAN	Vietnamese
16	HOANG TUÂN HAI	PVD2	33	1	8		73	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ HỒNG LINH	PVD2	32	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

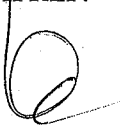
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK10	11	12	79	777	60	9		
2	P1	0	0	0	0	20	5		
3	PVD2	6	7	60	423	17	8		
TOTAL		17	19	139	1.200	97	22		
WEIGHT KG				139	1.200	97			

GRAND TOAL: 1.436 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/12/2018	TO: BK3 - BK4 - TD3	AIRCRAFT: 410	ETD: 13:35
FLIGHT: 14	FROM: VT	CREW: Hôi - CHIẾN - Trường	ETA: 15:15
VANG-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	THAI HAI HA	BK3	20	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN PHUOC	BK3	27	1	4	40	70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN DUC THIEP	BK3	28	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM BA BINH	BK3	29	1	3		65	PSV	Vietnamese
5	NGUYEN TIEN DUNG	BK4	79	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGO DANG DUC	BK4	80	1	5	50	66	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN TIEN	BK4	81	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM XUAN MANH	BK4	78	1	3		65	PSV	Vietnamese
9	LUONG XUAN DUOC	TD3	92	1	3		68	PSV	Vietnamese
10	QUACH DAC THAN	TD3	95	1	4		50	PSV	Vietnamese
11	HOANG VAN THANG	TD3	91	1	4		53	PSV	Vietnamese
12	NGO VAN QUYNH(NEW)	TD3	97	1	5		73	PSV	Vietnamese
13	PHAM VAN DUAN	TD3	94	1	3		75	PSV	Vietnamese
14	PHAN SY CAO	TD3	93	1	3		63	PSV	Vietnamese
15	PHAN THANH NAM	TD3	84	1	6		73	PSV	Vietnamese
16	VU VAN NAM	TD3	96	1	3		60	LILAMA	Vietnamese
17	CHU VAN THIET	TD3	96	1	5		65	LILAMA	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK3	4	4	15	265	40	4		
2	BK4	4	4	16	286	50	6		
3	TD3	9	9	36	580	0	12		
TOTAL		17	17	67	1.131	90	22		
WEIGHT KG				67	1.131	90			

GRAND TOAL: 1.288 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miễn nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 05/12/2018

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CTK3+TD2+TTC2	7:25	5+16+0	0+0+0		4+14+4	0+0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/12/2018	TO: CTK3 - TD2 - TTC2	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Khang - Linh - Toan	ETA: 09:20
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THIÊN TOÀN	CTK3	13	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN THẮNG	CTK3	14	1	5	8	65	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐÌNH XUÂN TOÀN	CTK3	10-11	2	12		64	T-TIN	Vietnamese
4	LÊ NHƯ HIỀN	CTK3	12	1	9		60	T-TIN	Vietnamese
5	MAI VĂN DUNG	CTK3					66	SANBAY	Vietnamese
6	ĐO XUÂN VANG*TT	TD2					84	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ ĐỨC THỌ	TD2	88	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
8	PHAN VĂN DIỆP	TD2					81	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN KHẮC HÀ TRUNG	TD2	81	1	2		70	KHOAN	Vietnamese
10	TRỊNH QUỐC KHÁNH	TD2	79	1	7		72	KHOAN	Vietnamese
11	VŨ VĂN ĐOAI	TD2	91	1	5		88	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN XUÂN UYÊN	TD2	89	1	7	55	60	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	TD2	86-87	2	10		81	KHOAN	Vietnamese
14	ĐÌNH VĂN HUÂN	TD2	77	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
15	VŨ VĂN THUY	TD2	82-83	2	12		65	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN QUANG THỰC	TD2	95	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
17	ĐÌNH DUY HAI	TD2	80	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
18	LẠI CAO THANH	TD2	90	1	9		65	KHOAN	Vietnamese
19	SUSTAVOV	TD2	78	1	6		110	D-HANH	Russian
20	LÊ VĂN BAO	TD2	85	1	11		67	DVL	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN HIẾU	TD2	84	1	14		90	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	5	5	30	325	8	4		
2	TD2	16	16	107	1.224	55	14		
3	TTC2	0	0	0	0	25	4		
TOTAL		21	21	137	1.549	88	22		
WEIGHT KG				137	1.549	88			

GRAND TOAL: 1.774 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

